

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

(Công khai Tài chính)

Kính gửi: Chủ tịch Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam

Báo cáo này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam, biểu mẫu được thực hiện theo chế độ kế toán tại Thông tư số 90/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập theo quy định. Theo đó, Ban điều hành báo cáo tóm tắt một số nội dung chủ yếu của Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số Đầu năm	Ghi chú
A	B	1	2	3
A	TÀI SẢN			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	64.892.228.690	106.408.104.112	
1	Tiền	24.892.228.690	81.408.104.112	
2	Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	25.000.000.000	
II	Các khoản đầu tư	70.000.000.000	305.000.000.000	
1	Đầu tư tài chính	70.000.000.000	305.000.000.000	
III	Cho vay	923.546.617.406	629.383.563.746	
1	Cho vay	942.854.766.746	640.488.586.616	
2	Dự phòng rủi ro cho vay	(19.308.149.340)	(11.105.022.870)	
IV	Các khoản phải thu	1.049.697.743	3.565.076.661	
1	Phải thu hoạt động	400.743.803	3.154.473.788	
2	Các khoản phải thu khác	648.953.940	410.602.873	
V	Hàng tồn kho			
VI	Tài sản cố định	749.993.351	902.253.347	
1	Tài sản cố định hữu hình	713.993.351	848.253.347	

	- Nguyên giá TSCĐ	1.885.076.319	1.885.076.319	
	- Hao mòn TSCĐ	(1.171.082.968)	(1.036.822.972)	
2	Tài sản cố định vô hình	36.000.000	54.000.000	
	- Nguyên giá TSCĐ	90.000.000	90.000.000	
	- Hao mòn TSCĐ	(54.000.000)	(36.000.000)	
VII	Bất Động sản đầu tư			
VIII	Chi phí xây dựng dở dang			
VII	Tài sản khác	1.211.832.869	799.862.856	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.061.450.370.059	1.046.058.860.722	
B	NGUỒN VỐN			
I	Nợ phải trả	9.490.032.125	5.858.622.675	
1	Phải trả hoạt động	182.297.930	280.161.364	
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	262.892	5.664.823	
3	Phải trả người lao động	5.830.858.049	3.590.520.514	
4	Các khoản phải trả khác	80.639.635	84.748.961	
5	Vay và nợ thuê tài chính			
6	Dự phòng phải trả	2.052.863.826	1.211.647.800	
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.343.109.793	685.879.213	
II	Vốn chủ sở hữu	1.051.960.337.934	1.040.200.238.047	
1	Vốn chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	
	<i>Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp</i>	<i>1.000.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000.000</i>	
2	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	51.502.785.673	39.742.685.786	
2a	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>45.792.781.971</i>	<i>35.424.212.713</i>	
2b	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>5.710.003.702</i>	<i>4.318.473.073</i>	

3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
4	Nguồn kinh phí và quỹ khác	457.552.261	457.552.261	
	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>	<i>457.552.261</i>	<i>457.552.261</i>	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.061.450.370.059	1.046.058.860.722	

Ban Điều hành trân trọng báo cáo Chủ tịch Quỹ Báo cáo tóm tắt báo cáo tài chính năm 2025 để thực hiện công khai thông tin theo quy định./.

Nơi nhận: *Sm*

- Như kính gửi;
- Lưu VP, KH-TC.

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**



Phạm Văn Giáp

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

**BIỂU SỐ 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH
DOANH NĂM 2025**

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 337/Q Đ-CQLMHTXVN ngày 23/4/2025 của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm 2025 đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Doanh số cho vay	Tỷ đồng	615
2	Doanh số thu nợ	Tỷ đồng	405
3	Dư nợ cho vay	Tỷ đồng	850
4	Tỷ lệ nợ xấu	Tỷ đồng	<2,5%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	44,2
6	Tổng chi phí	Tỷ đồng	41,5
7	Chênh lệch thu-chi	Tỷ đồng	2,75



Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

**BIỂU SỐ 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ
HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Doanh số cho vay	Tỷ đồng	615	953
2	Doanh số thu nợ	Tỷ đồng	405	650
3	Dư nợ cho vay	Tỷ đồng	850	943
4	Tỷ lệ nợ xấu	%	<2,5	1,5%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	44,2	51,5
6	Tổng chi phí	Tỷ đồng	41,5	37,6
7	Chênh lệch thu-chi	Tỷ đồng	2,75	13,9
8	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0	0
9	Tổng số lao động	Tỷ đồng	51	49
10	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	14,8	13
a)	Quỹ lương quản lý (Chủ tịch Quỹ, kiểm soát viên)	Tỷ đồng	1,6	0,9
b)	Quỹ lương lao động (Ban điều hành, NLĐ)	Tỷ đồng	15,1	12,1

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: KHÔNG CÓ

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON: KHÔNG CÓ

